

Biểu số 002.N/BCB-KHCN
Ban hành kèm theo Nghị định
số 139/2026/NĐ-CP ngày
07/4/2026
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp
sau năm báo cáo

**SẢN LƯỢNG, DOANH
THU DỊCH VỤ BƯU
CHÍNH**
Năm...

Đơn vị báo cáo:
Bộ Khoa học và Công
nghệ
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê, Bộ Tài
chính

	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra			
				Kinh tế nhà nước	Kinh tế tập thể	Kinh tế tư nhân	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. SẢN LƯỢNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH							
1. Sản lượng dịch vụ thư	01	Thư					
- Thư trong nước	02	"					
- Thư từ Việt Nam đi các nước	03	"					
- Thư từ các nước đến Việt Nam	04	"					
2. Sản lượng dịch vụ gói, kiện hàng hóa	05	Kiện					
- Gói kiện, hàng hóa trong nước	06	"					
- Gói kiện, hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	07	"					
- Gói kiện, hàng hóa từ các nước tới Việt Nam	08	"					
II. DOANH THU DỊCH VỤ BƯU CHÍNH	09	Tỷ đồng					
1. Chia theo loại dịch vụ		"					

- Doanh thu dịch vụ thư đi trong nước	10	"					
- Doanh thu dịch vụ thư đi quốc tế	11						
- Doanh thu dịch vụ thư quốc tế đến	12						
- Doanh thu gói kiện, hàng hóa trong nước	13	"					
- Doanh thu gói kiện, hàng hóa từ Việt Nam đi các nước	14	"					
- Doanh thu gói kiện, hàng hóa từ các nước tới Việt Nam	15	"					
2. Chia theo vùng kinh tế - xã hội							
2.1. Vùng đồng bằng sông Hồng	16	"					
2.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc	...						
2.3. Vùng Bắc Trung Bộ							
2.4. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên							
2.5. Vùng Đông Nam Bộ							
2.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long							
3. Chia theo tỉnh/thành phố							
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)</i>							
3.1. Hà Nội							
3.2. ...							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 002.N/BCB-KHCN: Sản lượng, doanh thu dịch vụ bưu chính

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Doanh thu dịch vụ bưu chính

Dịch vụ bưu chính là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.

Doanh thu dịch vụ bưu chính là số tiền doanh nghiệp bưu chính thu được do việc cung cấp dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế cho khách hàng trong kỳ báo cáo.

Doanh thu dịch vụ bưu chính gồm doanh thu dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát (trong nước và quốc tế) thư, gói, kiện bằng các phương thức, từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận (không gồm dịch vụ chuyển tiền bưu điện, tiết kiệm bưu điện).

b) Sản lượng dịch vụ bưu chính

Sản lượng dịch vụ bưu chính gồm sản lượng dịch vụ thư và sản lượng dịch vụ gói, kiện hàng hóa do các doanh nghiệp bưu chính thực hiện trong kỳ báo cáo (bao gồm sản lượng dịch vụ thư trong nước, quốc tế trong kỳ báo cáo, sản lượng dịch vụ gói, kiện hàng hóa trong nước, quốc tế trong kỳ báo cáo). Trong đó:

- Sản lượng dịch vụ thư và số lượng thư có địa chỉ nhận, không địa chỉ nhận (thư truyền thông, thư quảng cáo) được chấp nhận, vận chuyển và phát trong nước, quốc tế.
- Sản lượng dịch vụ gói, kiện hàng hóa là số lượng gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, vận chuyển và phát trong nước, quốc tế.

2. Cách ghi biểu

Biểu số 002.H/BCB-KHCN: Sản lượng, doanh thu dịch vụ bưu chính

- Cột 1: Ghi tổng số sản lượng, doanh thu dịch vụ bưu chính theo các dòng tương ứng của cột A.
- Cột 2, 3, 4, 5: Ghi sản lượng, doanh thu dịch vụ bưu chính chia theo loại hình kinh tế theo các dòng tương ứng của cột A.
- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê ngành Khoa học và Công nghệ.

